

Bản án số 27/2017/DS-ST
Ngày 07 tháng 7 năm 2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Huỳnh Tiến**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 24 Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B** - sinh năm 1967.

Địa chỉ: 46 Đường T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Từ Thảo N** - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 14 Đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số chứng thực 240 quyền số 01 ngày 05 tháng 12 năm 2016)

* Bị đơn: Ông **Cao T** - sinh năm 1965.

Địa chỉ: 99 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn **Nguyễn Thị B** trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ thân quen trong làm ăn, ngày 01 tháng 8 năm 2013, bà **Nguyễn Thị B** cho ông **Cao T** mượn số tiền 200.000.000 đồng, để làm tin ông **Cao T** có viết Giấy mượn tiền và giao cho bà **B** một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U311436 do UBND huyện V, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 06 năm 2004 mang tên bà **Lê Thị Kim D**.

Ngày 16 tháng 10 năm 2015, ông **Cao T** tiếp tục mượn số tiền 1.715.000.000 đồng để làm ăn. Khi mượn, ông **Cao T** có viết một Giấy mượn tiền. Ngày 29 tháng 02

năm 2016, ông T viết Giấy xác nhận việc mượn bà B 1.715.000.000 đồng và cam kết sẽ trả nợ trong vòng một năm sau với phương thức mỗi tháng trả dần 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến ngày hẹn như đã cam kết, bà B yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T thất hứa và nhiều lần trốn tránh.

Bà Nguyễn Thị B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao T phải trả cho bà số tiền 1.915.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10 tháng 3 năm 2017, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Từ Thảo N giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc ông Cao T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.715.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Đối với bị đơn là ông Cao T, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị B và ông Cao T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 401, 405, 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Ông Cao T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 99 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Khi tham gia giao dịch, ông sử dụng địa chỉ này để xác lập giao dịch với bà Nguyễn Thị B. Do đó việc ông không có mặt tại địa chỉ này mà không thông báo cho bà B biết về nơi cư trú mới của ông theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ.

Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Cao T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Cao T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã đưa bà Trần Thị L là vợ của ông Cao T trong thời kỳ các bên tranh chấp xác lập và thực hiện giao dịch vay tài sản tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên bà Trần Thị Mỹ Linh hiện không có mặt tại nơi cư trú đồng thời cơ quan quản lý cư trú không xác định được bà Linh hiện sinh sống ở đâu nên không thể triệu tập đến phiên tòa được.

Theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ngày 03 tháng 01 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 128 Bộ luật tố tụng dân sự về việc “Cấm ông Cao T xuất cảnh đi nước ngoài cho đến khi kết thúc vụ án”.

[2] Xét yêu cầu buộc ông Cao T phải trả số tiền 1.715.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các chứng cứ mà bà B xuất trình như Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 10 năm 2015, giấy xác nhận ngày 29 tháng 02 năm 2016 có đủ

cơ sở để xác định ông Cao T có vay của bà Nguyễn Thị B số tiền 1.715.000.000 đồng nhưng chưa trả nợ cho bà B như đã cam kết. Khi mượn tiền chỉ có một mình ông Cao T lập văn bản vay tiền cũng như xác nhận nợ. Đồng thời các bên cũng không có thỏa thuận về mục đích sử dụng tiền vay. Do đó yêu cầu trên của bà Nguyễn Thị B đối với ông Cao T có cơ sở, phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên cần chấp nhận.

Do bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông Cao T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài yêu cầu ông Cao T phải trả nợ vay theo Giấy mượn tiền ngày 16 tháng 10 năm 2015, bà Nguyễn Thị B còn yêu cầu ông Cao T trả nợ số tiền 200.000.000đ theo Giấy mượn tiền ngày 01 tháng 8 năm 2013. Khi mượn số tiền này, ông Cao T có thể chấp cho bà Nguyễn Thị B thừa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U311436 do UBND huyện V, thành phố Đà Nẵng mang tên bà Lê Thị Kim D. Tuy nhiên ngày 10 tháng 3 năm 2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Từ Thảo Nguyên có đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000đ theo Giấy mượn tiền ngày 01 tháng 8 năm 2013. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Do không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn nên cũng làm chấm dứt tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án của bà Lê Thị Kim D.

[4] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm là 63.450.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) ông Cao T phải chịu.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- áp dụng các Điều 401, 405, 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với ông Cao T.

Tuyên xử: Buộc ông Cao T phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.715.000.000 đồng (*Một tỉ bảy trăm mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Cao T không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) theo Giấy mượn tiền ngày 01 tháng 8 năm 2013 của bà Nguyễn Thị B, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đối với ông Cao T.

4. án phí dân sự sơ thẩm là 63.450.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) ông Cao T phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 34.725.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 5487 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Đà Nẵng
- VKSNDQ. C
- CCTHADSQ. C
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

Các Hội thẩm nhân dân **Hội đồng xét xử** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thanh Trà

Huỳnh Tiến

Phạm Khắc Tường

